



ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 1 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: TOÁN - LỚP 8

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Phát hành ngày 18/10/2026

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: T8.GK1.013

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. ABC có $BC = 36$ cm, chiều cao từ A là 39 cm. Trung tuyến $AM = 65$ cm. G là trọng tâm. Tính diện tích ABG .

- A. 117 cm^2 B. 234 cm^2 C. 351 cm^2 D. 468 cm^2

Câu 2. Hình vuông có chu vi 60 cm. Tính diện tích theo cm^2 .

- A. 60 cm^2 B. 15 cm^2 C. 225 cm^2 D. 450 cm^2

Câu 3. Đa thức $P(x) = Ax^2 + Bx + C$ có $P(0) = 2$, $P(1) = 37$, $P(2) = 130$. Tìm C .

- A. 2 B. 130 C. 37 D. 35

Câu 4. Hình chữ nhật $ABCD$ với $AB = 25$ cm, $BC = 60$ cm. Hai đường chéo cắt nhau tại O . Tính chu vi $ABCD$.

- A. 170 cm B. 1500 cm C. 85 cm D. 130 cm

Câu 5. Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài $(4x + 10)$ m, chiều rộng $(5x + 4)$ m; $x > 0$. Khai triển diện tích thành $Ax^2 + Bx + C$. Tìm hệ số A .

- A. 20 B. 16 C. 9 D. 60

Câu 6. Khai triển $(5x + 3)^3 = Ax^3 + Bx^2 + Cx + D$. Tìm D .

- A. 9 B. 27 C. 3 D. 81

Câu 7. Tìm bậc của đơn thức $13x^2y^3$.

- A. 18 B. 3 C. 5 D. 2

Câu 8. Chia đa thức $9x^3 + 33x^2$ cho đơn thức $3x$ với $x \neq 0$.

- A. $9x^2 + 33x$ B. $3x^2 + 11x$ C. $3x^3 + 11x^2$ D. $3x^2 - 11x$

Câu 9. Cho $P(x) = 9x^2 + 2x + 3$. Viết $P(x) = (x - 4)(Ax + B) + r$. Tìm hệ số A .

- A. 36 B. 11 C. 12 D. 9

Câu 10. Tứ giác lồi $ABCD$ có $\hat{A} = 83^\circ$, $\hat{B} = 76^\circ$, và $\hat{D} - \hat{C} = 29^\circ$. Tính tổng hai góc đối $\hat{A} + \hat{C}$ theo độ.

- A. 162° B. 180° C. 198° D. 169°